

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 1854 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước
trong lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-BNNMT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 334/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 (ba) thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.

KT: CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
SỞ NN&MT TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 05/6/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên TTHC/Mã TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số trang
1	Xác định huyện nghèo giai đoạn 2021-2025 (5.001736)	Giảm nghèo	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan thực hiện: Bộ NN&MT, UBND tỉnh, UBND cấp huyện	02
2	Xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 (5.001740)	Giảm nghèo	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan thực hiện: Bộ NN&MT, UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	07
3	Xác định huyện thoát nghèo giai đoạn 2021- 2025 (5.001742)	Giảm nghèo	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan thực hiện: Bộ NN&MT, UBND tỉnh, UBND cấp huyện	13

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính “Xác định huyện nghèo giai đoạn 2021-2025”

1.1. Trình tự thực hiện

- UBND cấp huyện lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg), trình UBND tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp huyện, UBND tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ NN&MT. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, UBND tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND tỉnh, Bộ NN&MT tổng hợp, thẩm định; căn cứ khả năng bố trí nguồn lực, lập danh sách huyện nghèo có tổng số điểm từ 100 điểm trở xuống theo hệ thống chỉ tiêu của các tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và thứ tự ưu tiên theo tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Hồ sơ của UBND cấp huyện

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị xác định huyện nghèo.

+ Báo cáo của UBND cấp huyện về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

b) Hồ sơ của UBND tỉnh

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị xác định huyện nghèo.

+ Báo cáo tổng hợp, đánh giá của UBND tỉnh đối với từng huyện theo tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

+ Danh sách huyện nghèo theo đề nghị của UBND tỉnh.

+ Báo cáo thẩm tra của Sở NN&MT.

+ Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND tỉnh, chi tiết theo từng huyện.

+ 01 bộ hồ sơ gốc của UBND cấp huyện nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

- Thời gian rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ, tổng hợp, thẩm định: 45 ngày.

- Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, không bao gồm huyện đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Đối tượng thực hiện: UBND cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Bộ NN&MT.

- Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo giai đoạn 2021-2025.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình về việc xác định huyện nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

- Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tiêu chí xác định huyện nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

+ Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện.

+ Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện.

+ Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao, biên giới hoặc huyện thuộc các khu vực còn lại.

- Hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025./.

Mẫu số 01

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNHVề việc ...¹...

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, UBND ... kính trình ... xem xét việc xác định ...²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: ...

Kính đề nghị ... xem xét./.

Nơi nhận:

- ... ;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Đánh giá, xác định ...²...

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, xin báo cáo UBND ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội).
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội.
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra.
2. Về hồ sơ.
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định ...²...
2. Về kết quả đánh giá, xác định ...²...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- ...;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Thủ tục hành chính “Xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025”

2.1. Trình tự thực hiện

- UBND cấp xã lập 03 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình UBND cấp huyện.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp xã, UBND cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, UBND cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp huyện, UBND tỉnh rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ NN&MT. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, UBND tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND tỉnh, Bộ NN&MT tổng hợp, thẩm định; lập danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Hồ sơ của UBND cấp xã

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

b) Hồ sơ của UBND cấp huyện

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Báo cáo tổng hợp, đánh giá của UBND cấp huyện đối với từng xã theo tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

+ Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo đề xuất của UBND cấp huyện.

+ Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của

UBND cấp huyện, chi tiết theo từng xã.

+ 02 bộ hồ sơ gốc của UBND cấp xã nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

c) Hồ sơ của UBND tỉnh

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Báo cáo tổng hợp, đánh giá của UBND tỉnh đối với từng xã theo tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

+ Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo đề nghị của UBND tỉnh.

+ Báo cáo thẩm tra của Sở NN&MT.

+ 01 bộ hồ sơ gốc của UBND cấp huyện nêu trên và 01 bộ hồ sơ gốc của UBND cấp xã nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

- Thời gian kiểm tra, tổng hợp, rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ, tổng hợp, thẩm định: 55 ngày.

- Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã cồn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo hoặc xã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn liên tục từ 03 tháng trở lên trong năm trên địa bàn cả nước, không bao gồm các xã đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Đối tượng thực hiện: UBND cấp xã.

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh, Bộ NN&MT.

- Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

2.8. Lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình về việc xác định huyện nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban

hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

- Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tiêu chí xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo gồm 02 tiêu chí sau:

- Xã có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã cồn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 15% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; xã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn liên tục từ 03 tháng trở lên trong năm và có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 12% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

- Thiếu (hoặc chưa đạt) từ 3/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh, cụ thể:

+ Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

+ Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tỷ lệ phòng học kiên cố của nhà trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt dưới 75%.

+ Chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 85%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 70%.

+ Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 85%.

+ Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%.

+ Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 40% (riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long dưới 30%).

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn

2021-2025.

- Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025./.

Mẫu số 01

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNHVề việc ...¹...

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, UBND ... kính trình ... xem xét việc xác định ...²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: ...

Kính đề nghị ... xem xét./.

Nơi nhận:

- ... ;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Đánh giá, xác định ...²...

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, xin báo cáo UBND ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội).
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội.
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra.
2. Về hồ sơ.
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định ...²...
2. Về kết quả đánh giá, xác định ...²...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- ...;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

3. Thủ tục hành chính “Xác định huyện thoát nghèo giai đoạn 2021-2025”

3.1. Trình tự thực hiện

- UBND cấp huyện lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình UBND tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp huyện, UBND tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ NN&MT. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, UBND tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND tỉnh, Bộ NN&MT tổng hợp, thẩm định; lập danh sách huyện nghèo có tổng số điểm dưới 50 điểm theo hệ thống chỉ tiêu của các tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Hồ sơ của UBND cấp huyện

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị xác định huyện thoát nghèo.

+ Báo cáo của UBND cấp huyện về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

b) Hồ sơ của UBND tỉnh

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị xác định huyện thoát nghèo.

+ Báo cáo tổng hợp, đánh giá của UBND tỉnh đối với từng huyện theo tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

+ Danh sách huyện thoát nghèo theo đề nghị của UBND tỉnh.

+ Báo cáo thẩm tra của Sở NN&MT.

+ Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND tỉnh, chi tiết theo từng huyện.

+ 01 bộ hồ sơ gốc của UBND cấp huyện nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

- Thời gian rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ, tổng hợp, thẩm định: 45 ngày.

- Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, không bao gồm huyện đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Đối tượng thực hiện: UBND cấp huyện.
- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Bộ NN&MT.
- Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện thoát nghèo giai đoạn 2021-2025.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình về việc xác định huyện thoát nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).
- Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Có điểm dưới 50 điểm theo hệ thống chỉ tiêu của các tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg.

Tiêu chí và tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo được xác định trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; các tiêu chí còn lại được xác định trên cơ sở số liệu tại thời điểm lập hồ sơ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.
- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025./.

Mẫu số 01

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNHVề việc ...¹...

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, UBND ... kính trình ... xem xét việc xác định ...²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: ...

Kính đề nghị ... xem xét./.

Nơi nhận:

- ... ;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Đánh giá, xác định ...²...

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, xin báo cáo UBND ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội).
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội.
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra.
2. Về hồ sơ.
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định ...²...
2. Về kết quả đánh giá, xác định ...²...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- ... ;
- Lưu: VT, ...;

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.